TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BT
TỈNH QN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/ HNGĐ-ST
Ngày 23/5/2025
Về việc "Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BT, TỈNH QN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Lê Thị Diếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thuý Nga;

2. Ông Hoàng Văn Tưởng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Chín - Thư ký Toà án nhân dân huyện BT, tỉnh QN.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh QN tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện BT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2025/TLST- HNGĐ ngày 01/4/2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" Th Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 15/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2025 của Toà án nhân dân huyện BT, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Phạm Thị X, sinh năm 1987; địa chỉ: TDP Kon Dung, Thị trấn BT, huyện BT, tỉnh QN;

-Bị đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1987; địa chỉ: TDP Kon Dung, Thị trấn BT, huyện BT, tỉnh QN;

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị X trình bày:

Chị X và anh Th quen nhau tự nguyện rồi đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn BT, huyện BT vào năm 2013. Trong cuộc sống giữa chị X và anh Th có những bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Năm 2023 chị X có làm đến TAND huyện BT để yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng lúc đó anh Th hứa thay đổi nên chị X xin rút lại đơn không yêu cầu Tòa

án giải quyết. Sau khi về chung sống thì anh Th vẫn như vậy không thay đổi gì nên Ny chị X yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Phạm Văn Th.

-Về con chung: có 02 con chung tên: Phạm Thị Ti N, sinh ngày 26/02/2013 và Phạm Thị An N, sinh ngày 27/12/2017. Khi ly hôn chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: không có nợ chung.

* Bị đơn: Tại bản tự khai ngày 06/4/2025 anh Phạm Văn Th trình bày đồng ý về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung. Anh Phạm Văn Th mong Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, anh Th không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị Phạm Thị X cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Th yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh QN phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân Th pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ Th quy định tại điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, 9, 51, 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Giải quyết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị X. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ti N, sinh ngày 26/02/2013 và Phạm Thị An N, sinh ngày 27/12/2017 cho chị Phạm Thị X trực tiếp nuôi dưỡng. Chị X không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên không xem xét; nợ chung, tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: chị X phải chịu án phí ly hôn Th quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Chị X khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Phạm Văn Th, anh Th có nơi cư trú tại TDP Kon Dung, Thị trấn BT, huyện BT, tỉnh QN, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh QN Th quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị X và anh Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BT huyện BT, tỉnh QN vào năm 2013, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị X có yêu cầu ly hôn nên Toà án nhân dân huyện BT, tỉnh QN đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3] Anh Phạm Văn Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt 02 lần không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Về hôn nhân giữa chị X và anh Th đã có mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án anh Th mong muốn Tòa án tạo điều kiện hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Tòa án đã có Thông báo để anh Th và chị X đến Tòa án tham gia hòa giải nhưng anh Th không đến Tòa án để làm việc thể hiện thái độ xem thường pháp luật, không muốn hòa giải, đoàn tụ. Mặc khác năm 2023 chị X đã nộp đơn khởi kiện đến tòa án, sau khi chị X rút đơn về chung sống giữa chị X và anh Th không cải thiện được tình cảm. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị X và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Phạm Thị X được ly hôn với anh Phạm Văn Th là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị X và anh Th có 02 con chung tên Phạm Thị Ti N, sinh ngày 26/02/2013 và Phạm Thị An N, sinh ngày 27/12/2017.

Khi ly hôn chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Th cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con nếu chị X cương quyết ly hôn. Không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét về yêu cầu nuôi con của chị X, anh Th, HĐXX thấy:

Hiện Nay các cháu đang sống cùng với chị X. Anh Phạm Văn Th đã bị xử phạt 01 năm tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" Th bản án số 18/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện BT và phải đi chấp hành án Th Quyết định số 35/2025/QĐ-CA ngày 19/5/2025 (Quyết định về việc thu hành án phạt tù) của Tòa án nhân dân huyện BT. Vì vậy việc anh Th yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con là không đảm bảo điều kiện để chăm sóc cho các con. Mặc khác các con đã trên 07 tuổi và có bản trình bày nguyện vọng được sống với chị X nếu ba mẹ cháu ly hôn. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định và phát triển về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về nuôi con chung của chị X. Giao con chung tên Phạm Thị Ti N, sinh ngày 26/02/2013 và Phạm Thị An N, sinh ngày 27/12/2017 cho chị Phạm Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở Th quy định của pháp luật.

Chị X không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Nợ chung: Không có.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa chị Phạm Thị X và anh Phạm Văn Th; về án phí là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn Th quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 260, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị X.

1.Về hôn nhân: Chị Phạm Thị X được ly hôn anh Phạm Văn Th.

2.Về con chung:

Giao con chung tên Phạm Thị Ti N, sinh ngày 26/02/2013 và Phạm Thị An N, sinh ngày 27/12/2017 cho chị Phạm Thị X trực tiếp trông nôm, chăm sóc, giáo dục.

Anh Th chưa cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở Th quy định của pháp luật.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn Th quy định tại Điều 84, Điều 116 của Luật HNGĐ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị X đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004835 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh QN.

5.Trường hợp bản án được thi hành Th quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án Th quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện Th quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diếu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QN;
- VKSND huyện BT;
- Chi cục THADS huyện BT;
- UBND Thi trấn BT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.